

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật số 03/2022/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND dân tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn: số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 phê duyệt điều chỉnh dự án; số 1034/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư; số 1723/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 điều chỉnh thời gian thực hiện giai đoạn 2; số 2493/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2; số

5123/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành tuyến đê biển số 01 đoạn từ C87A - C113 dự án củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn (giai đoạn 2); số 2553/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 phê duyệt dự án trồng cây chắn sóng thuộc dự án củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC; số 465/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, công trình: Trồng cây chắn sóng thuộc dự án củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; số 4518/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 chuyển chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình do Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Thanh Hóa làm chủ đầu tư;

Căn cứ Công văn số 195/ĐĐ-QLĐĐ ngày 12/4/2023 của Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và PTNT) về việc điều chỉnh một số hạng mục công trình thuộc dự án củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Căn cứ Công văn số 3394/BKHĐT-TH ngày 05/5/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2022 sang năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 545/KTNN-TH ngày 26/10/2018 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi báo cáo kiểm toán và Thông báo số 578/TB-KTNN KVXI ngày 31/10/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XI;

Căn cứ các Công văn của Chủ tịch UBND tỉnh: số 6784/UBND-THKH ngày 18/5/2023 về việc triển khai thực hiện Công văn số 3394/BKHĐT-TH ngày 05/5/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 8367/UBND-NN ngày 14/6/2023 về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung một số nội dung vào giai đoạn 2 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 170/TTr-SNN&PTNT ngày 02/8/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2) (kèm theo thông báo kết quả thẩm định tại Văn bản số 3756/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 27/7/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2), với nội dung sau:

I. Khái quát về dự án

Dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê

cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 11/5/2010, gia hạn thời gian thực hiện tại Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 25/5/2021, theo đó tổng mức đầu tư của dự án là 697.941 triệu đồng, gồm 3 giai đoạn: giai đoạn 1 do UBND huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư, đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; giai đoạn 2 và giai đoạn 3 do Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Thanh Hóa làm chủ đầu tư, sau đó được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển chủ đầu tư sang Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 24/11/2017; hiện nay giai đoạn 2 đang triển khai thực hiện, giai đoạn 3 chưa triển khai.

Giai đoạn 2 của dự án có mức đầu tư 255.116 triệu đồng (theo Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh), gồm 02 đoạn: (i) đoạn từ C87A - C113 đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được quyết toán năm 2017; (ii) đoạn từ C18+22 - C87A đang triển khai thi công. Sau khi thi công xong giai đoạn 2 sẽ tạo thành tuyến đê khép kín (tuyến đê biển số 01 đoạn từ cuối đê cửa sông Càn tại K1+362,5 đến cuối đê cửa sông Lèn K8+178) đảm bảo ổn định cho đê với mức triều và gió bão theo thiết kế, phát huy hiệu quả mục tiêu của dự án.

II. Lý do điều chỉnh

Dự án nêu trên được phê duyệt điều chỉnh từ năm 2010, quá trình thực hiện giai đoạn 2 có một số nội dung phát sinh, thay đổi. Căn cứ tình hình thực tế, trên cơ sở ý kiến của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và PTNT) tại Công văn số 195/ĐĐ-QLĐĐ ngày 12/4/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho phép điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2) tại các Văn bản: Công văn số 2251/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 15/5/2023 và Tờ trình số 102/TTr-SNN&PTNT ngày 19/5/2023.

Ngày 14/6/2023, tại Công văn số 8367/UBND-NN, Chủ tịch UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương điều chỉnh, bổ sung một số nội dung vào giai đoạn 2 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn theo như đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại các Văn bản nêu trên. Mặt khác, theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 6784/UBND-THKH ngày 18/5/2023 thì phải điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2) đảm bảo phù hợp với thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài đến hết năm 2023.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án, đảm bảo thi công hoàn thành giai đoạn 2 và giải ngân hết số vốn được giao trong năm 2023 thì việc điều chỉnh giai đoạn 2 của dự án là phù hợp và cần thiết.

III. Nội dung điều chỉnh

1. Nội dung đầu tư (thiết kế cơ sở) điều chỉnh

- Không thi công tuyến đường thi công số 03 (từ K2+246 đê Ngự Hàm 3 đến tuyến đê biển số 01).

- Không hoàn trả các tuyến đường thi công cho dân sau khi hoàn thành giai đoạn 2 của dự án.

- Điều chỉnh hình thức gia cố mái phía đồng từ tấm bê tông đúc sẵn M200 kích thước (80x80x10) cm sang trồng cỏ chống xói, trong đó:

+ Chân đê phía đồng từ K1+654,2 (hết phạm vi phía hữu cống T3) đến gặp đường thi công số 02 tại K1+766,30 (bờ hữu kênh T3) hiện trạng là ao và lòng kênh T3: giữ nguyên gia cố chân mái đê từ đỉnh cơ cao trình (+2.00) m xuống chân đê để đảm bảo ổn định công trình.

+ Giữ nguyên kết cấu gia cố toàn tuyến mặt cơ đê phía đồng tại (+2.00) m bằng bê tông thường M200 dày 15 cm, chỉ điều chỉnh chiều rộng mặt để phù hợp hình thức điều chỉnh gia cố mái phía đồng, cụ thể: (i) đoạn từ K1+654,20 - K1+766,20 dài 112 m: Bgc = 2,5 m; (ii) đoạn từ K1+766,20 - K3+914,30 dài 2.148,10 m: Bgc = 2,0 m; blê = 0,50 m.

- Cập nhật hạng mục trồng cây chắn sóng và bổ sung nguồn vốn từ Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC vào dự án.

(Chi tiết như Hồ sơ điều chỉnh dự án giai đoạn 2 kèm theo

Tờ trình số 170/TTr-SNN&PTNT ngày 02/8/2023 Sở Nông nghiệp và PTNT)

2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 281.587.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi một tỷ, năm trăm tám mươi bảy triệu đồng).*

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMDT đã phê duyệt (theo Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010)	TMDT điều chỉnh	Chênh lệch
1	Chi phí xây dựng	200.313.000.000	251.978.022.000	51.665.022.000
2	Chi phí thiết bị	746.000.000	1.229.163.000	483.163.000
3	Chi phí QLDA	2.654.000.000	2.788.229.000	134.229.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	12.105.000.000	10.206.403.000	- 1.898.597.000
5	Chi phí khác	6.106.000.000	8.980.574.000	2.874.574.000
6	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	10.000.000.000	1.695.339.000	- 8.304.661.000
7	Chi phí dự phòng	23.192.000.000	4.709.270.000	- 18.482.730.000
	Tổng mức đầu tư	255.116.000.000	281.587.000.000	26.471.000.000

(Có phụ biểu chi tiết Tổng mức đầu tư điều chỉnh kèm theo)

3. Thời gian thực hiện dự án (giai đoạn 2): Hoàn thành trước ngày 31/12/2023.

4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương 229.604 triệu đồng; Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác 25.512 triệu đồng; vốn chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC 26.471 triệu đồng.

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 23/7/2008, số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010, số 1034/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 và số 1723/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án điều chỉnh trình thẩm định, phê duyệt; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng và quản lý ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN 2
Dự án đầu tư xây dựng công trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông
huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã phê duyệt (theo Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010)	TMĐT điều chỉnh	Trong đó			Chênh lệch
				Đoạn C87A-C113 (QĐ số 5123/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và TB số 578/TB-KTNN KVXI ngày 31/10/2018)	Đoạn C18+22 - C87A và một số chi phí giai đoạn 2 (Chi tiết)	Trồng cây chắn sóng (QĐ số 465/QĐ-UBND ngày 27/01/2022)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)-(3)
I	Chi phí xây dựng	200.313.000.000	251.978.022.000	76.544.635.000	148.821.886.000	26.611.501.000	51.665.022.000
II	Chi phí thiết bị	746.000.000	1.229.163.000	656.997.000	572.166.000		483.163.000
III	Chi phí quản lý dự án	2.654.000.000	2.788.229.000	791.690.000	1.516.134.000	480.405.000	134.229.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	12.105.000.000	10.206.403.000	3.395.450.000	5.810.516.000	1.000.437.000	-1.898.597.000
1	Chi phí Khảo sát, lập dự án đầu tư/điều chỉnh dự án	3.481.540.000	1.957.745.000	1.506.612.000	79.809.000	371.324.000	-1.523.795.000
2	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT/điều chỉnh TK BVTC-DT	3.301.380.000	3.342.621.000		3.342.621.000		41.241.000
3	Thẩm tra TKBVTC	138.450.000	136.562.390	70.356.390	66.206.000		-1.887.610
4	Thẩm tra dự toán	134.370.000	171.334.610	67.769.610	103.565.000		36.964.610
5	Giám sát thi công xây dựng công trình	2.407.330.000	2.981.895.724	1.063.000.000	1.439.863.724	479.032.000	574.565.724
6	Lựa chọn nhà thầu xây dựng	142.250.000	223.811.495	78.599.000	91.212.495	54.000.000	81.561.495

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã phê duyệt (theo Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010)	TMĐT điều chỉnh	Trong đó			Chênh lệch
				Đoạn C87A-C113 (QĐ số 5123/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và TB số 578/TB-KTNN KVXI ngày 31/10/2018)	Đoạn C18+22 - C87A và một số chi phí giai đoạn 2 (Chi tiết)	Trồng cây chắn sóng (QĐ số 465/QĐ-UBND ngày 27/01/2022)	
	-Chi phí phân tích đánh giá HSDT		112.911.778	33.289.185	52.622.593	27.000.000	
	-Chi phí lập HSMT		110.899.717	45.309.815	38.589.902	27.000.000	
7	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.000.000.000	609.113.000	609.113.000	-		-390.887.000
8	Điều tra, lập báo cáo giám sát môi trường		687.239.000		687.239.000		687.239.000
9	Một số chi phí tư vấn khác	1.500.000.000	-				-1.500.000.000
10	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		96.081.000		-	96.081.000	96.081.000
V	Chi phí khác	6.106.000.000	8.980.574.000	987.795.000	7.845.260.000	147.519.000	2.874.574.000
1	Bảo hiểm công trình	2.063.220.000	2.003.403.000	759.824.000	1.243.579.000		-59.817.000
2	Thẩm định dự án đầu tư/dự án điều chỉnh	26.850.000	48.070.000	38.250.000	9.820.000		21.220.000
3	Thẩm định thiết kế BVTC	32.190.000	15.655.000		15.655.000		-16.535.000
4	Thẩm định dự toán	31.280.000	15.371.000		15.371.000		-15.909.000
5	Thẩm định HSMT, KQĐT	20.030.000	26.000.000		-	26.000.000	5.970.000
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	166.490.000	645.317.000	183.015.000	355.340.000	106.962.000	478.827.000
7	Chi phí kiểm toán	474.380.000	-		-		-474.380.000
8	Phí Bảo vệ môi trường và KTKS	792.000.000	-	đã tính trong chi phí xây dựng			-792.000.000
9	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	1.000.000.000	6.176.122.000		6.176.122.000		5.176.122.000

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã phê duyệt (theo Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 05/11/2010)	TMĐT điều chỉnh	Trong đó			Chênh lệch
				Đoạn C87A-C113 (QĐ số 5123/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và TB số 578/TB-KTNN KVXI ngày 31/10/2018)	Đoạn C18+22 - C87A và một số chi phí giai đoạn 2 (Chi tiết)	Trồng cây chắn sóng (QĐ số 465/QĐ-UBND ngày 27/01/2022)	
10	Một số chi phí khác	1.500.000.000	50.636.000	6.706.000	29.373.000	14.557.000	-1.449.364.000
-	<i>Thẩm định giá vật tư thiết bị</i>		50.636.000	6.706.000	29.373.000	14.557.000	50.636.000
VI	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	10.000.000.000	1.695.339.000	1.195.339.000	500.000.000		-8.304.661.000
VII	Chi phí dự phòng	23.192.000.000	4.709.270.000		4.709.270.000		-18.482.730.000
	Tổng cộng (Làm tròn)	255.116.000.000	281.587.000.000	83.571.906.000	169.775.232.000	28.239.862.000	26.471.000.000